

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHẪM PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN HÁN NÔM TẠI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ QUỐC GIA Ở TỈNH NINH BÌNH

Bùi Thị Hồng Giang

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt: Quản lý nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hoá quốc gia ở tỉnh Ninh Bình là một hoạt động quan trọng của cơ quan quản lý văn hóa. Trên cơ sở phân tích các giá trị di sản Hán Nôm, bài viết đề xuất một số giải pháp quản lý nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hóa quốc gia ở tỉnh Ninh Bình nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đối với việc phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Từ khoá: Di sản, giá trị, giải pháp, Hán Nôm, quản lý, văn hóa quốc gia.

Nhận bài ngày 23.12.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 28.02.2024

Liên hệ tác giả: Bùi Thị Hồng Giang; Email: bthgiang@hluv.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ninh Bình là tỉnh có bề dày lịch sử và truyền thống văn hiến lâu đời, nơi lưu giữ những di sản văn hóa vật thể, phi vật thể mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc chan hòa với cảnh quan thiên nhiên, một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình là phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với các giá trị văn hóa, lịch sử.

Theo kết quả tổng kiểm kê di tích năm 2022, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện có 1.821 di tích được phân bố đều khắp 143 xã, phường, thị trấn. Trong đó, đã có 395 di tích được xếp hạng, gồm 1 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới là Quần thể danh thắng Tràng An, 3 di tích quốc gia đặc biệt là Cố đô Hoa Lư; khu danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và núi Non Nước; 78 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 314 di tích xếp hạng cấp tỉnh [1].

Hệ thống di sản Hán Nôm tập trung chủ yếu ở các di tích kiến trúc nghệ thuật gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, ghi dấu các sự kiện lịch sử quan trọng của địa phương, của dân tộc, đồng thời phản ánh đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân qua các giai đoạn lịch sử. Những năm qua, các di sản văn hóa vật thể trên địa bàn tỉnh thường xuyên được tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương quan tâm đầu tư, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị. Tuy nhiên, ở các di tích vẫn còn chưa đồng bộ, phần lớn các giải pháp được thực hiện phụ thuộc thể mạnh của từng di tích. Để phát huy tốt giá trị nguồn di sản Hán Nôm tại các di tích quốc gia, cần phải có các nhóm giải pháp vừa cụ thể vừa mang tính chiến lược lâu dài.

Bài viết này chỉ đề cập những giải pháp cụ thể nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm trực tiếp tại các di tích quốc gia ở Ninh Bình.

2. NỘI DUNG

2.1. Di sản Hán Nôm

Di sản Hán Nôm là những thư tịch, tài liệu được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, là kho tàng văn hóa thành văn vô cùng phong phú của nước ta. Di sản văn hóa Hán Nôm đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa quý giá của dân tộc, là sợi dây liên kết giữa quá khứ với hiện tại, là nguồn tư liệu quan trọng giúp cho thế hệ hôm nay và mai sau có cơ hội tìm hiểu về cội nguồn lịch sử, văn hóa của dân tộc [2]. Các di sản Hán Nôm chủ yếu được thể hiện thông qua bài vị, xà cò, hoành phi, câu đối, sắc phong, văn bia, bảng ghi công đức,... ở các di tích.

2.2. Các giá trị của di sản Hán Nôm

2.2.1. Giá trị về tư liệu lịch sử

Di sản Hán Nôm mang trong mình tâm hồn dân tộc, là nơi lưu giữ những giá trị tinh thần quý báu của cha ông. Chúng ta có thể tìm thấy trong câu đối, văn bia, thần tích,... các sự kiện không có trong chính sử. Vì vậy, đây cũng là nguồn tư liệu phong phú bổ sung cho chính sử về lai lịch, hành trạng, công đức của các nhân vật hoặc lịch sử của địa phương.

2.2.2. Giá trị giáo dục

Giá trị giáo dục nổi bật của di sản Hán Nôm trong các di tích là giáo dục lòng biết ơn và tình yêu quê hương làng xóm; giáo dục con người sống có đạo đức, có lòng từ bi, khoan dung độ lượng; giáo dục con cái lòng hiếu kính với ông bà, cha mẹ. Các giá trị này được thể hiện rõ trong nội dung ca ngợi và tri ân của hoành phi, câu đối. Các hoành phi, câu đối trong đình, chùa, lăng, đền, miếu... chủ yếu nói về công lao, đức độ của các bậc tiền nhân - những người đi mở cõi, những bậc khai quốc công thần, những anh hùng chống giặc giữ nước, những người thầy; hoặc các vị thần trong tâm thức của người dân.

2.2.3. Giá trị văn hóa - mỹ thuật

Sự xuất hiện và tồn tại cho đến ngày nay của các di sản Hán Nôm không đơn thuần chỉ mang ý nghĩa ghi chép hay trang trí gắn với mỗi di tích, mà bao quát hơn, nó còn là sự phản ánh những giá trị văn hóa to lớn của các cộng đồng cư dân trong quá trình khai phá, tạo lập và cư trú trên vùng đất này. Thông qua các di sản còn được lưu giữ, những thế hệ hôm nay và mai sau phần nào có được những góc nhìn văn hóa đa chiều và đầy đủ hơn về đất và người Việt Nam.

Di sản Hán - Nôm tại các di tích chính là một phần quan trọng trong sự tiếp nối và khẳng định dấu ấn văn hóa của người Việt, phản ánh quá trình giao lưu, hòa nhập, thích nghi và sáng tạo văn hóa của các cư dân người Việt.

Di sản Hán - Nôm tại các di tích là một trong những yếu tố thể hiện rõ nét tinh thần, tư tưởng của người Việt; là một minh chứng quan trọng cho sự đa dạng và khác biệt văn hóa, qua đó tạo nên nét riêng, đặc trưng về văn hóa cho vùng; là một phần quan trọng góp phần tạo nên giá trị văn hóa tổng thể đặc biệt của mỗi di tích.

Di sản Hán Nôm không chỉ có giá trị về mặt ngôn ngữ mà còn là kho tàng trang trí và điêu khắc dân gian. Bởi lẽ, những minh văn được thể hiện thông qua các hiện vật, di vật và cổ vật. Tiếp cận từ nhiều góc độ, có thể thấy giá trị mỹ thuật của các di sản Hán Nôm đa dạng, phong phú: từ chất liệu thể hiện, hình dáng, kiểu chữ, niên đại cho đến các biểu tượng hoa văn,...

Những ẩn ý thâm sâu của chữ nghĩa đi liền với trang trí tạo nên một tổng thể đặc sắc của các di sản Hán Nôm, vừa có yếu tố vật thể, vừa có yếu tố phi vật thể. Ở từng di tích, các di sản Hán Nôm được thể hiện ngay từ cổng vào đến kiến trúc và chi tiết trang trí của di tích. Cổng của các di tích lịch sử, phía trên nóc cổng chính thường là tượng lưỡng long tranh châu và tên di tích. Hai bên cột cổng là các câu đối mang các hàm ý khác nhau.

Di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia được thể hiện bằng nhiều chất liệu như: Đá, gỗ, giấy (giấy dó, giấy bồi...), vải, đồng, gốm sứ, xi măng (chất liệu xi măng phần nhiều có niên đại muộn và dễ bị hư hỏng)...

Hình dáng, kích thước của các di sản Hán Nôm trong các di tích đa dạng. Từ những sắc phong, kinh Phật, cuốn thư trên các trang giấy; bài vị trên khăn thờ đến các bức hoành phi, liễn đối... lớn treo trên xà, cột của di tích. Một số minh văn khác được chạm khắc trên các bình, lư, chuông, khánh, bia...

2.3. Di tích và di tích lịch sử văn hóa

2.3.1. Di tích

Theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học (xuất bản năm 2006) cho biết: *“Di tích là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hóa lịch sử”*. Vì vậy, qua hàng nghìn năm di tích lịch sử là thành quả của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của các thế hệ người Việt Nam. Trên thực tế phản ánh tiến trình phát triển, thành tựu và khả năng của chính dân tộc đó, cũng là minh chứng sống động cho sự vận động giao thoa và phát triển mọi mặt trong đời sống xã hội đồng thời phản ánh những đặc trưng cơ bản để làm rõ sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác trong môi trường cảnh quan cụ thể của không gian và thời gian.

2.3.2. Di tích lịch sử văn hóa

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về việc Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong đó đã nhấn mạnh: *“Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc văn hóa dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng, bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bách học, dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể”*.

Theo Luật Di sản văn hóa năm 2011 và sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 nhận định: *“Di tích lịch sử, văn hóa là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật tài liệu và tác phẩm có giá trị lịch sử khoa học nghệ thuật, có giá trị văn hóa hoặc có liên quan đến những sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa xã hội”*. Được gọi là di tích lịch sử văn hóa (LSVH) được tạo ra bởi con người (tập thể hoặc cá nhân), là kết quả của hoạt động sáng tạo lịch sử, văn hóa của con người. Nhiều nước trên thế giới đưa ra khái niệm di tích LSVH là “dấu tích”, “dấu vết” còn sót lại không nguyên vẹn của một công trình nghệ thuật LSVH nào

đó đã được xây dựng trong quá khứ (từ thế kỷ XX trở về trước lùi xa cho đến thời tiền sử, có quy mô to nhỏ khác nhau, có chức năng, tác dụng khác nhau).

2.3.3. Các loại hình di tích

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Di sản văn hóa, di tích được phân ra thành 4 loại hình, bao gồm:

Một là, di tích khảo cổ học gồm những địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật, đánh dấu các giai đoạn phát triển của văn hóa khảo cổ. Loại hình di tích khảo cổ có thể phân chia thành các loại di tích sau đây: 1- Loại di chỉ cư trú; 2- Loại di chỉ mộ táng; 3- Loại di chỉ cư trú - mộ táng. Ngoài ra còn có thể phân chia theo thời đại khảo cổ: 1- Loại di tích, di chỉ thời đại đồ Đá; 2- Loại di tích, di chỉ thời đại đồ Đồng; 3- Loại di tích, di chỉ thời đại đồ Sắt.

Hai là, loại hình di tích lịch sử gồm những công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng của dân tộc, của địa phương hay của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhà hoạt động chính trị, văn hóa nghệ thuật, khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc. Loại hình di tích lịch sử có 03 loại di tích: 1- Loại di tích gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước; 2- Loại di tích gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân đất nước; 3- Loại di tích gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng.

Ba là, loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm: công trình kiến trúc, nghệ thuật quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam. Loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật chia làm các loại khác nhau, cụ thể chia làm 06 loại: 1- Các đô thị hình thành trong lịch sử và các thành phần của chúng. Các phế tích của các đô thị cổ, các phối hợp và tổng thể đô thị lớn thể hiện bộ mặt đô thị. 2- Di tích kiến trúc cư trú, gồm các ngôi nhà ở tại thành thị và nông thôn. 3- Di tích kiến trúc dân dụng như các công sở, các công trình văn hóa. 4- Di tích kiến trúc tôn giáo (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ...) và lăng tẩm. 5- Di tích kiến trúc quân sự như: thành, lũy, hào... 6- Di tích kiến trúc phong cảnh, những cảnh quan thiên nhiên có công trình kiến trúc được lồng ghép vào các công viên, vườn hoa, khu sinh thái.

Bốn là, loại hình di tích danh lam, thắng cảnh. Cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật, nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, hệ sinh thái đặc thù [3]. Loại hình di tích này phân chia thành 02 loại: 1- Khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của Việt Nam và thế giới. 2- Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ tiêu biểu [4].

Mặc dù trong các văn bản (văn bản luật) phân chí DT LSVH làm 04 loại hình, trong từng loại hình lại phân chia thành các loại di tích thuộc loại hình cụ thể, nhưng thực tế căn cứ vào giá trị tiêu biểu chứa đựng ở từng trường hợp cụ thể thì quá trình phân loại chỉ mang tính tương đối. Trong khi tiếp cận phân loại, điều cơ bản chúng ta xác định được giá trị tiêu biểu của di tích để tiến hành phân loại các di tích dù của loại hình nào.

Nếu căn cứ vào giá trị lịch sử văn hóa, khoa học thẩm mỹ và cấp độ quản lý, di tích được xếp hạng và chia thành 03 loại:

Một là, di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia do Thủ tướng chính phủ ra quyết định xếp hạng.

Hai là, di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa thể thao và du lịch ra quyết định xếp hạng.

Ba là, di tích cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là di tích có giá trị tiêu biểu trong phạm vi đại phương do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định xếp hạng.

2.4. Quản lý di tích lịch sử văn hóa

2.4.1. Quản lý

Về nội dung, thuật ngữ “Quản lý” có thể hiểu theo nhiều cách diễn đạt khác nhau. Theo nghĩa thông thường: Thuật ngữ “Quản lý” được hiểu là trông nom, sắp đặt công việc hoặc gìn giữ, theo dõi, cong hiểu theo nghĩa Hán Việt thì “Quản” là lãnh đạo một việc, “Lý” là trông nom, gìn giữ, coi sóc. Các nước phương Tây dùng từ “Management” có nghĩa là quản lý, là bàn tay hoặc liên quan đến hoạt động của bàn tay, từ đó chuyển sang nghĩa là hành động theo một quan điểm để dẫn dắt.

Mỗi ngành khoa học nghiên cứu về quản lý ở một góc độ nào đó thì chúng đều có những định nghĩa riêng về quản lý. Qua một số quan điểm, chúng ta thấy rõ bản chất của quản lý và hoạt động của quản lý bắt nguồn từ sự phân công, hợp tác lao động. Theo ý nghĩa thông thường, phổ biến thuật ngữ “Quản lý” được hiểu là hoạt động nhằm tác động một cách có tổ chức và có định hướng của chủ thể quản lý và một đối tượng nhất định để điều chỉnh các quá trình xã hội và hành vi của con người nhằm duy trì tính ổn định và phát triển của đối tượng theo những mục tiêu đã định. Vì vậy, quản lý bao gồm các yếu tố sau: Chủ thể quản lý: Là tác nhân tạo ra các tác động quản lý, chủ thể luôn là con người hoặc tổ chức. Chủ thể quản lý tác động lên đối tượng quản lý bằng các công cụ với những phương pháp thích hợp theo những nguyên tắc nhất định.

Đối tượng quản lý: tiếp nhận trực tiếp sự tác động của chủ thể quản lý. Tùy theo từng loại đối tượng khác nhau mà người ta chia thành các dạng quản lý khác nhau.

Khách thể quản lý: chịu sự tác động hay sự điều chỉnh của chủ thể quản lý, đó là hành vi của con người, các quá trình xã hội.

Mục tiêu của quản lý là cái đích phải đạt tới tại một thời điểm nhất định do chủ thể quản lý định trước. Đây là căn cứ để chủ thể quản lý thực hiện các hoạt động quản lý cũng như lựa chọn các phương pháp quản lý thích hợp.

2.4.2. Quản lý di tích lịch sử văn hóa

Quản lý di tích LSVH chính là sự định hướng, tạo điều kiện tổ chức, điều hành việc bảo vệ, gìn giữ các DT LSVH, làm cho các giá trị của di tích được phát huy theo chiều hướng tích cực. Các DT LSVH cần được tôn trọng và bảo vệ vì đây là tài sản vô giá, là tài nguyên kinh tế du lịch không bao giờ cạn kiệt nếu chúng ta biết khai thác một cách khoa học. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước như đặc thù của nước ta hiện nay thì văn hóa

cần được quản lý và định hướng để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đồng thời bảo tồn được các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (DSVH), xét cho cùng cũng là một phần của công tác quản lý DSVH nói chung và quản lý DT LSVH nói riêng. Theo nghĩa thông thường trong tiếng Việt. Thuật ngữ “Quản lý” được hiểu là trông nom, sắp đặt công việc hoặc giữ gìn, theo dõi. Cụ thể, “quản lý” có hai nghĩa là: Tổ chức, điều khiển hoạt động của một số đơn vị, một cơ quan; trông coi, giữ gìn và theo dõi những hoạt động cụ thể. Trong lĩnh vực DT LSVH, cơ quan quản lý di tích có trách nhiệm trông coi, giữ gìn; tổ chức các hoạt động bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích; tổ chức bảo vệ di tích với mục tiêu chống xuống cấp cho di tích, đề di tích tồn tại lâu dài; tổ chức lập hồ sơ, xếp hạng xác định giá trị và cơ sở pháp lý bảo vệ di tích...

Quản lý DSVH là một quá trình theo dõi, định hướng và điều tiết quá trình tồn tại và phát triển của các DSVH trên một địa bàn cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy tốt giá trị của chúng; đem lại lợi ích to lớn, nhiều mặt, lâu dài cho cộng đồng dân cư, chủ nhân của các DSVH đó [5]. Phát huy cũng có thể hiểu là tập trung sự chú ý của công chúng một cách tích cực tới các mặt giá trị của DSVH [6]. Phát huy giá trị DT LSVH gồm các hoạt động: Tổ chức tham quan tại di tích; quảng bá di tích trên các phương tiện truyền thông đại chúng, xuất bản các ấn phẩm giới thiệu di tích; đưa di tích đến với ngành công nghiệp du lịch. Phát huy giá trị DSVH là một hoạt động nhằm khai thác những giá trị của di sản để phục vụ và đáp ứng nhu cầu của xã hội, góp phần phát triển KT-XH của đất nước, đồng thời góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với việc bảo vệ DSVH dân tộc. Làm cho cái hay, cái tốt nhân thêm tác dụng, thúc đẩy tiếp tục nảy nở nhiều hơn.

Quản lý DT LSVH là một hoạt động nằm trong công tác quản lý. Quản lý DT LSVH là một hoạt động nằm trong công tác quản lý DSVH. Theo quan điểm khoa học phổ biến hiện nay quản lý DSVH không chỉ đơn thuần là quản lý những giá trị vật thể mà quan trọng hơn là người làm công tác quản lý phải quan tâm đến những giá trị văn hóa phi vật thể để có tác động tích cực đến đời sống cộng đồng. Đặc biệt hơn là các DT LSVH luôn tổ chức lễ hội tại không gian thiêng và không gian tự nhiên của di tích. Hệ thống khái niệm quản lý, quản lý nhà nước về văn hóa, quản lý di tích lịch sử văn hóa có thể hiểu đó là một hoạt động luôn có hướng đích giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý (khách thể quản lý) theo đúng đường hướng của Đảng và Nhà nước đã đề ra. Đó chính là quá trình tác động giữ chủ thể quản lý (chính là hệ thống các cơ quan quản lý di tích) tới đối tượng quản lý (là hệ thống DT LSVH).

2.5. Đề xuất một số giải pháp quản lý nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hoá quốc gia ở tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp quản lý nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hoá quốc gia ở tỉnh Ninh Bình sau đây:

2.5.1. Tổ chức lớp học thực tế tại các di tích

Một là, các Ban quản lý di tích cần tăng cường hơn nữa trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch gắn kết với nhà trường các cấp học phổ thông và đại học trong đó có Đại học Hoa Lư để đưa học sinh, sinh viên đến học tập ngoại khóa tại các khu di tích. Việc làm này có ý nghĩa giáo dục truyền thống lịch sử của địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Do vậy, cần phải có sự phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành văn hóa trong việc giáo dục di sản văn hóa dân

tộc. Khi tổ chức các lớp học thực tế, ngoài việc giới thiệu về khu di tích, về nhân vật phụng thờ cùng các câu chuyện huyền sử, lịch sử, cán bộ thuyết minh cũng cần hướng các em đến với tư liệu di sản Hán Nôm mà trước hết là hệ thống hoành phi, câu đối, sắc phong, bia đá... đang được trưng bày ở trong các đơn nguyên kiến trúc. Từ đó, các em học sinh, sinh viên có những cảm nhận khác nhau về giá trị của khu di tích và tư liệu di sản Hán Nôm sau quá trình học tập thực tế.

Hai là, có thể liên kết mở lớp dạy học tại di tích cho các đối tượng khác nhau có nhu cầu tìm hiểu di sản văn hóa dân tộc qua hệ thống di sản Hán Nôm. Mô hình này dạy học theo hướng miễn phí, ví như câu lạc bộ yêu thích di sản Hán Nôm. Đội ngũ giáo viên hình thành từ nhiều nguồn, có thể mời các chuyên gia Hán Nôm ở viện nghiên cứu và trường đại học chuyên ngành về Hán Nôm. Thời gian học, các Ban quản lý di tích phải có kế hoạch và nội dung cụ thể, phối hợp với các cơ quan có cộng tác viên tham gia giảng dạy.

Ngoài ra, đội ngũ giáo viên cũng có thể khai thác nguồn tại chỗ, đó là các là các cụ cao tuổi ở địa phương biết và hiểu về chữ Hán Nôm tham gia giảng dạy tại di tích, có thể cố định các buổi học trong tuần.

2.5.2. Hướng dẫn thuyết minh tại di tích

Đây là phương pháp truyền thông hiệu quả thiết thực nhất đối với việc phát huy giá trị di tích nói chung và giá trị di sản Hán Nôm tại di tích nói riêng. Qua khảo sát thực tế công tác hướng dẫn thuyết minh tại các di tích quốc gia đặc biệt cho thấy, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ hướng dẫn còn có sự chênh lệch khá lớn ở các di tích. Mặt khác, chưa kể trình độ nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng đòi hỏi thực tiễn còn thiếu hụt cần phải bổ sung. Có thể nói, trong công tác phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản Hán Nôm nói riêng trực tiếp tại di tích thì hướng dẫn viên đóng vai trò quan trọng nhất.

Mặc dù phương pháp này cũng có những hạn chế khi mùa lễ hội diễn ra, khách tham quan đông, nhiều đoàn xuất hiện đồng thời, có thể không đủ hướng dẫn viên hoặc nếu đủ hướng dẫn viên thì tình trạng thuyết minh qua hệ thống âm thanh có thể bị chồng lấn giữa các đoàn khách tham quan. Cũng qua khảo sát cho thấy chưa có sự hiểu biết nhất định về tư liệu di sản Hán Nôm, nên các cán bộ thuyết minh ở các khu di tích quốc gia đặc biệt thường hay bỏ qua việc hướng dẫn khách về nguồn tư liệu này. Qua khảo sát các đoàn có thuyết minh hướng dẫn, tư liệu di sản Hán Nôm đều ít được nhắc đến ngoài việc chỉ đây là các chữ Hán Nôm trên hoành phi, câu đối có nội dung ca ngợi cảnh đẹp của di tích và nhân vật được phụng thờ. Do vậy, việc đặt bản trích phiên âm dịch nghĩa tư liệu di sản Hán Nôm và đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho hướng dẫn viên về nguồn tư liệu này là các nội dung cần thiết để họ đáp ứng nhu cầu tham quan và tìm hiểu toàn diện của khách tham quan đến với các khu di tích quốc gia ở Ninh Bình hiện nay.

Việc đặt các bản phiên âm dịch nghĩa tại di tích cần thiết phải nghiên cứu vị trí đặt cho phù hợp, không ảnh hưởng đến nguyên tắc bảo tồn di tích. Do vậy, trong thời gian tới, ban quản lý các di tích quốc gia cần nghiên cứu về nội dung, hình thức biểu đạt cho các bản trích phiên âm, dịch nghĩa cho toàn bộ nguồn tư liệu di sản Hán Nôm hiện đang trưng bày, lưu trữ tại khu di tích của mình. Bởi việc làm này sẽ giúp ích cho việc quảng bá hình ảnh của di tích và nhân vật được phụng thờ thông qua hoạt động du lịch văn hóa tín ngưỡng hiện nay.

2.5.3. Ứng dụng khoa học công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật

Để phát huy trực tiếp giá trị di sản Hán Nôm tại di tích, cần ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ hỗ trợ cho việc thuyết minh trực tiếp tại điểm bằng cách lắp đặt hệ thống màn hình ở các đơn nguyên kiến trúc trong di tích, làm phim ngắn giới thiệu về di tích và di sản Hán Nôm, lắp đặt hệ thống thuyết minh tự động để khách tham quan có thể tự bấm máy và nghe hướng dẫn ở những phần nội dung mình yêu thích và có nhu cầu tìm hiểu.

Trong công tác thuyết minh, hướng dẫn khách tham quan, với tính chất đặc thù do số lượng khách trong đoàn đông, không gian di tích rộng lớn nên trong suốt quá trình hướng dẫn đòi hỏi cán bộ thuyết minh cần phải có các trang thiết bị hỗ trợ cho trình bày bài thuyết minh của mình. Vì vậy, ban quản lý di tích ở các di tích cũng cần có kế hoạch mua sắm, trang bị cho người hướng dẫn các thiết bị thu phát để sẵn sàng phục vụ du khách tham quan.

2.5.4. Xuất bản ấn phẩm về di sản Hán Nôm

Bất kì khách tham quan nào khi đến di tích cũng muốn tìm hiểu về di tích đó, trong khoảng thời gian tham quan có hạn, nhiều khi không kịp nghe thuyết minh hướng dẫn tại điểm thì các ấn phẩm sách, tờ gấp, viết về di tích, di sản Hán Nôm có ý nghĩa đặc biệt, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của khách tham quan. Phương thức này có ưu điểm là khách tham quan có thể đọc ở bất cứ thời điểm, thời gian nào do mình chủ động và đã được hầu hết ở các di tích nổi tiếng trong và ngoài nước áp dụng. Bởi vậy, xuất bản phẩm về Hán Nôm giới thiệu tại di tích có ý nghĩa đặc biệt đối với việc thu hút và đáp ứng nhu cầu khách tham quan. Đây là giải pháp phát huy giá trị di tích rất hiệu quả. Ví dụ các hoành phi, câu đối Hán Nôm nếu được in ấn đẹp về hình thức, dịch đúng và chuẩn về nội dung coi như cẩm nang giúp khách tham quan hiểu được giá trị ý nghĩa nguồn di sản Hán Nôm tại di tích. Trong điều kiện hội nhập và phát triển đất nước, có lẽ không chỉ phiên âm dịch nghĩa tiếng Việt mà hướng tới phiên âm dịch nghĩa tiếng Anh, tiếng Pháp...

2.5.5. Phát huy giá trị di sản Hán Nôm gắn với phát triển du lịch

Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ta hiện nay quan tâm đến phát triển kinh tế thông qua hoạt động du lịch, coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy, hoạt động du lịch đang có những thay đổi thiết thực phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn. Nguồn tài nguyên du lịch của nước ta hiện nay cơ bản có nguồn tài nguyên nhân văn và nguồn tài nguyên tự nhiên. Trong nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt là các di tích kiến trúc nghệ thuật gắn với tín ngưỡng tôn giáo có sức hút và vị trí vô cùng quan trọng với việc thu hút khách tham quan.

Để khai thác được giá trị di sản Hán Nôm thông qua hoạt động du lịch, gắn với phát triển du lịch, các nhà quản lý di sản, các di tích quốc gia cần có một tầm nhìn chiến lược, xây dựng mối quan hệ biện chứng phát triển với ngành du lịch, hiện thực mối quan hệ này bằng các văn bản luật. Xác định rõ khai thác giá trị di sản là trách nhiệm chung không chỉ của riêng ngành di sản văn hóa mà ngành du lịch cũng phải có một vai trò nhất định trong quá trình khai thác di sản. Đặc biệt, phải chú ý đến việc thiết kế sản phẩm lưu niệm gắn với di tích cho khách tham quan. Các sản phẩm lưu niệm tại di tích phải thể hiện đặc trưng của di tích thông qua các di sản Hán Nôm. Ví dụ, các ấn phẩm đều có in chữ Hán Nôm phiên âm và dịch nghĩa ngắn gọn súc tích về tên gọi di tích hoặc các câu đối hoành phi điển hình của di tích đó. Những hiện vật lưu

niệm này khách tham quan có thể mua nhiều về tặng cho người thân, như vậy thì hình ảnh của di tích có thể được quảng bá rộng rãi và hiệu quả.

3. KẾT LUẬN

Quản lý nhằm phát huy giá trị di sản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hoá quốc gia ở tỉnh Ninh Bình là một hoạt động quan trọng của cơ quan quản lý văn hóa. Chính vì vậy, cần phải có các giải pháp mang tính chất đồng bộ và giải pháp then chốt trước mắt là cần có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho đội ngũ chuyên viên, hướng dẫn viên, những người làm quản lý văn hóa tham dự các lớp chữ Hán, chữ Nôm để đọc, hiểu, nắm vững giá trị của các văn bản Hán Nôm mà mình trực tiếp quản lý, dần mở rộng phạm vi giới thiệu giá trị di sản Hán Nôm của địa phương và toàn tỉnh đến các đối tượng khác. Làm như vậy chắc chắn sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả đối với công tác phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mỹ Hạnh (2023), “*Phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trong xây dựng thương hiệu địa phương*”, Báo Ninh Bình.
2. <http://biengioibienbentre.vn/noi-dung/di-san-van-hoa-han-nom-o-ben-tre.html>
3. Quốc hội (2009), *Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
4. Ngô Quang Nam (chủ biên) (1986), *Địa chí Vĩnh Phú - Văn hóa dân gian vùng đất tổ*, Sở Văn hóa thông tin thể thao Vĩnh Phú.
5. Trịnh Minh Đức (chủ biên) (2007), *Bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Huệ (2005), *Lược sử sự nghiệp bảo tồn - bảo tàng Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

SOME MANAGEMENT SOLUTIONS TO PROMOTE THE VALUES OF HAN NOM HERITAGE AT NATIONAL HISTORICAL AND CULTURAL RELICS IN NINH BINH PROVINCE

Abstract: Managing to promote the value of Han Nom heritage at national historical and cultural relics in Ninh Binh province are important activities of the cultural management agency. Based on the analysis of Han Nom heritage values, the article proposes some of the management solutions to promote the value of Han Nom heritage at national historical and cultural relics in Ninh Binh province in order to make a small contribution to improve the value of Han Nom heritage in general as well in Ninh Binh province.

Keywords: Heritage, values, solutions, Han Nom, management, national culture.